

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2019.

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Phong.

2. Ông Lý Thanh chiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng V (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Kinh Đ, xã Hồ Đắc K, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Minh T (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tam S, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 19/5/2013, chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Dương Minh T có tổ chức lễ cưới. Đến ngày 20/01/2018 anh chị đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T cấp giấy chứng nhận kết hôn, là hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới anh chị sống tại ấp Kinh Đ, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

Trong khoảng thời gian đầu anh chị sống với nhau rất hạnh phúc, đến ngày 26/02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị V và anh T không còn sống chung với nhau từ ngày

26/02/2018 cho đến nay.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị V và anh T có 01 đứa con chung tên Dương Nguyễn Gia K, sinh ngày 24/01/2018, hiện nay đang sống chung với chị V.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị Hồng V yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng V yêu cầu được ly hôn với anh Dương Minh T.

- Về con chung: Chị V yêu cầu được nuôi con chung tên Dương Nguyễn Gia K, sinh ngày 24/01/2018 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 16 tháng 4 năm 2019 chị V xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Đối với bị đơn anh Dương Minh T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn anh Dương Minh T chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng V để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của chị V không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228

Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chỉ Nguyễn Thị Hồng V.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Dương Minh T đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Dương Minh T.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh T có địa chỉ ấp Tam S, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 16 tháng 4 năm 2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng V xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này của nguyên đơn.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Dương Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2018 ngày 20/01/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

[6] Xét lý do xin ly hôn của chị V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị V và anh T chung sống với nhau hạnh phúc, có 01 người con chung. Tuy nhiên, chị V và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 02/2018, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp từ đó mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 02/2018 cho đến nay. Tòa án cũng triệu tập chị V và anh T 02 lần để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh T không có mặt để Tòa án hòa giải đoàn tụ và cũng không có ý kiến gì đến việc xin ly hôn của chị V. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị V và anh T cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[7] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị V và anh T có 01 con chung tên Dương Nguyễn Gia K, sinh ngày 24/01/2018. Chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Dương Nguyễn Gia K. Xét thấy, đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì cháu K còn quá nhỏ dưới 36 tháng tuổi và từ khi sinh ra, cháu K do chị V nuôi dưỡng chăm sóc gần gũi với chị V, về mặt tình cảm thì cháu K gắn bó và yêu mến chị V nhiều hơn anh T, cháu K cũng cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của chị V. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu K. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao con chung tên Dương Nguyễn Gia K, sinh ngày 24/01/2018 cho chị V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[8] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T là người không trực tiếp nuôi cháu K nên anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[11] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị V là người có đơn xin ly hôn, chị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Dương Minh T.

2. *Về con chung:* Giao con chung Dương Nguyễn Gia K, sinh ngày 24/01/2018 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003581 ngày 13/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị V nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Hồ Đắc K, huyện Châu T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh